

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 22-LĐTT ngày 4-8-1958
bổ sung thông tư số 7-LĐ-TT ngày
1-4-1956 hướng dẫn thi hành nghị
định số 703-TTg ngày 29-2-1956 về
khoản trợ cấp tử tuất cho gia đình
những cán bộ công nhân viên chết vì
tai nạn lao động.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: Các ông Chủ tịch Ủy ban Hành
chính các liên khu, thành phố và
tỉnh.

Các ông Giám đốc khu và sở lao
động.

Các ông Trưởng ty, Trưởng phòng
lao động.

Đồng kính gửi: Các vị Bộ trưởng các Bộ. Các ông
thủ trưởng các cơ quan trung
ương.

Tổng liên đoàn Lao động Việt
nam.

Ban thống nhất trung ương.

Việc thanh toán khoản trợ cấp tử tuất bằng 15
tháng lương quy định tại điều 1 nghị định Thủ
tướng phủ số 703-TTg ngày 29-2-1956 cho thừa kế
các cán bộ công nhân viên giúp việc Chính phủ
chết vì tai nạn lao động, nói chung đã được các
nơi thi hành tốt, theo đúng sự hướng dẫn của thông
tư Bộ Lao động số 7-LĐ-TT ngày 1-4-1956.

Riêng trường hợp người chết là cán bộ, công
nhân viên miền Nam không có thừa kế cùng tập
kết ra Bắc, các đơn vị sử dụng thường không thanh
toán trợ cấp tử tuất mà chỉ gửi các di vật của
người tử nạn về Ban Thống nhất trung ương theo
chỉ thị của Thủ tướng phủ số 1.000-TTg ngày
9-8-1956.

Bộ tôi nhận thấy làm như vậy sau này quan
hệ Bắc-Nam được tái lập, gia đình các người tử
nạn ra Bắc nhận mồ mả và di vật, lúc bấy giờ mới
đặt vấn đề truy lĩnh trợ cấp tử tuất thì rất có thể
các chứng từ về tai nạn dễ bị thất lạc, việc thanh
toán trợ cấp sẽ gặp khó khăn về mặt thủ tục
giấy tờ.

Do đó, Bộ tôi bổ sung thông tư số 7-LĐ-TT
như sau:

*Trường hợp cán bộ công nhân viên miền Nam
chết vì tai nạn lao động, dù không có thừa kế ở
ngoài Bắc, đơn vị sử dụng vẫn phải thanh toán
trợ cấp tử tuất và chuyển giao cùng một lúc với di
vật và tiền riêng (nếu có) của người tử nạn sang*

*Ban Thống nhất trung ương quản lý để sau này
giao lại cho gia đình người chết. Số tiền ấy Ban
Thống nhất sẽ gửi vào Ngân hàng Quốc gia theo
tài khoản riêng.*

Vậy đề nghị các Ủy ban Hành chính và các cơ
quan Lao động chú ý theo dõi việc thi hành quy
định bổ sung này, nếu thấy trước đây còn trường
hợp nào chưa giải quyết thì nhắc các đơn vị sử
dụng thanh toán gấp và gửi tiền về Ban Thống
nhất trung ương quản lý để bảo đảm chính sách.

Ngày 4 tháng 8 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Lao động

NGUYỄN VĂN TẠO

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

THẺ LỆ số 2154-TL/VB ngày 1-8-1958
về việc quản lý các loại kim khí quý,
đá quý, ngọc trai.

CHƯƠNG THỨ NHẤT**ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Điều 1. — Căn cứ nghị định Thủ tướng Chính
phủ số 355 - TTg ngày 16 tháng 7 năm 1958, nay
ban hành thẻ lệ này nhằm cụ thể hóa việc quản
lý các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai để ngăn
ngừa và bài trừ triệt để nạn đầu cơ, buôn lậu,
xuất lậu các loại nói trên để bảo vệ tài sản quốc
dân, góp phần vào việc quản lý thị trường, ổn
định vật giá, ổn định tiền tệ, tạo điều kiện thuận
lợi cho việc cải tạo và phát triển nền kinh tế
quốc dân.

Điều 2. — Nội dung thẻ lệ này quy định việc
mua bán, sửa chữa, chế biến, cất giữ và mang các
loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai và những đồ
trang sức bằng các loại nói trên.

CHƯƠNG THỨ HAI**MUA BÁN KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ
NGỌC TRAI**

Điều 3. — Kể từ ngày công bố lệnh thi hành
nghị định của Thủ tướng Chính phủ số 355 - TTg
ngày 16 tháng 7 năm 1958 về việc thống nhất kinh
doanh các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai vào
Ngân hàng quốc gia Việt-nam (dưới đây gọi tắt là
Ngân hàng), các hiệu vàng, bạc tư doanh không
được mua các loại kim khí quý, đá quý, ngọc
trai, nhưng còn được phép bán hết hàng tồn kho.

Thời hạn các hiệu vàng, bạc được phép bán
hết hàng tồn kho sẽ do các Chi nhánh Ngân hàng
tỉnh căn cứ tình hình cụ thể mà quy định, nhưng
nói chung thời hạn đó không quá 3 tháng. Riêng